

Bản tin chứng khoán

Trong số này

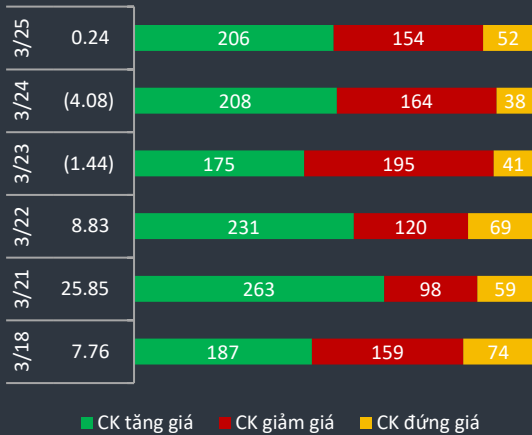
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

FUEVFNVD	74.9
DGC	65.6
DPM	57.4
VGC	27.6
VHC	24.7
STB	22.7
HDB	22.1
NLG	16.4
PVT	14.7
HT1	12.2
TCH	11.9
HPG	(26.1)
NVL	(26.8)
CTG	(31.5)
VND	(32.1)
GMD	(32.4)
DXG	(49.1)
VCI	(57.4)
VNM	(63.8)

Thị trường có phiên đi ngang thứ 4 liên tiếp và giữ nguyên mốc 1498 đếm cuối phiên. Nhóm VN30 cũng không biến động nhưng số cổ phiếu giảm vẫn áp đảo gần 2/3 mã tăng trong đó tập trung vào nhóm cổ phiếu ngân hàng.

Ngoài blue-chips, phần còn lại của thị trường vẫn tốt. Có sự phân hóa khá mạnh giữ các nhóm ngành nhưng độ rộng tổng thể ở HSX là cân bằng. Nhóm cổ phiếu tăng luôn áp đảo số mã giảm trong 2 phiên gần đây. Những cổ phiếu chất lượng vẫn duy trì xung lực tốt và tăng trưởng đều. Dòng tiền vào thị trường vẫn duy trì ổn định và lan tỏa khá đều ở các nhóm ngành. Thanh khoản sẽ tập trung vào nhóm cổ phiếu tăng trưởng và biến động giá cũng đi ngược xu hướng thị trường.

Cổ phiếu ngân hàng bị kéo mạnh ở nhóm lớn VCG và CTG cùng với OCB, LPB, MBB dù mức giảm cũng không đáng kể. Một số blue chip cũng mất điểm tương đối như POW, GAS, SSI, VJC, GVR.

Cổ phiếu phân bón vẫn là nhóm cổ phiếu hút tiền và tăng trưởng tốt nhất trong ngày. DPM, DCM đều phá các đỉnh cũ và tăng vượt 4%. QBS, SFG, BFC tăng còn vượt 5% và cũng chưa có dấu hiệu điều chỉnh. Trong 2 tháng đầu năm nay, các doanh nghiệp trong nước đã xuất khẩu kỷ lục 352.672 tấn phân bón, trị giá 241,7 triệu USD, tăng mạnh 72,1% về lượng và tăng gần 4 lần về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu trung bình phân bón đạt 685 USD/tấn, tăng 124,5% so với cùng kỳ năm 2021. Xuất khẩu phân bón của Việt Nam tăng cao trong thời gian qua chủ yếu là do các nước sản xuất phân bón lớn như Trung Quốc, Nga thực hiện các biện pháp kiểm soát và hạn chế xuất khẩu, điều này khiến cho các nhà nhập khẩu phải tìm đến nguồn cung thay thế từ Việt Nam. Dự báo nguồn cung phân bón toàn cầu có thể ổn định trở lại từ cuối quý 2 trở đi.

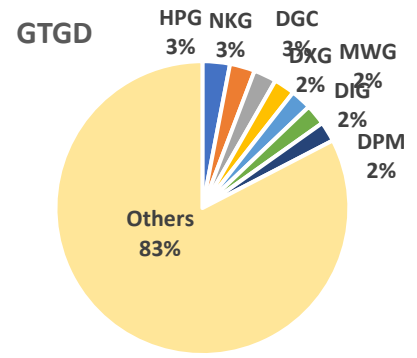
Nhóm ngành dệt may và bán lẻ cũng tăng trưởng khá trong ngày. MWG lần đầu tăng gần 4% sau gần 3 tháng giá cổ phiếu đi ngang quanh 135. DGW tiếp tục tăng trần hôm nay và phá đỉnh mới 141. FRT cũng có phiên tăng thứ 3 liên tiếp lên 155 (3.7%).

Vnindex 1,498.5

▲ +0.24 (+0.02%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
MWG	138.9	4.9	3.66
PNJ	108.2	1.2	1.12
VPB	36.8	0.4	1.10
NVL	83.6	0.8	0.97
BID	43.5	0.4	0.81
PDR	94.2	0.3	0.32
VHM	75.9	0.2	0.26
DHG	111.3	-	-
PLX	56.0	-	-
VIC	81.0	-	-
HPG	46.4	-	-
STB	33.7	-	-
TCB	49.3	(0.1)	(0.10)
MSN	146.4	(0.2)	(0.14)
SAB	157.5	(0.3)	(0.19)
VRE	32.7	(0.1)	(0.30)
FPT	95.7	(0.3)	(0.31)
HVN	25.4	(0.1)	(0.39)
VIB	44.5	(0.2)	(0.45)
TPB	39.9	(0.2)	(0.50)
BVH	58.5	(0.3)	(0.51)
VNM	75.2	(0.4)	(0.53)
HDB	28.0	(0.2)	(0.53)
GVR	34.7	(0.2)	(0.57)
ACB	32.7	(0.2)	(0.61)
VJC	143.0	(1.0)	(0.69)
MBB	31.8	(0.3)	(0.78)
SSI	43.5	(0.4)	(0.80)
REE	79.0	(0.7)	(0.88)
BCM	73.9	(0.7)	(0.94)
CTG	32.2	(0.4)	(1.08)
POW	16.6	(0.2)	(1.19)
VCB	82.5	(1.0)	(1.20)
GAS	110.7	(1.6)	(1.42)



Dù có 4 phiên đi ngang liên tiếp nhưng chỉ số Vnindex vẫn tăng trưởng gần 30 điểm tuần này. Dòng tiền duy trì ổn định và thậm chí có tín hiệu gia tăng dần qua mỗi phiên. Đây vẫn là vùng đỉnh ngắn hạn vì vậy thị trường vẫn chịu những sức ép nhất định và chỉ cần có một tin xấu nào đó cũng có thể tác động mạnh tâm lý nhà đầu tư.

Thị trường có thể còn tiếp tục rung lắc trong tuần sau nhưng về dài hạn vẫn tích cực nhờ sự lý vọng phục hồi của kinh tế Việt Nam trong quý 1. Các trạng thái điều chỉnh nếu có thể chỉ là rung lắc trong xu hướng tăng dài hạn. Các nhóm ngành bán lẻ, Phân bón, hóa chất, bất động sản, dệt may, logistic vẫn ưu tiên nắm giữ hiện tại. Một số cổ phiếu nhóm ngân hàng cũng lưu ý dần với kỳ vọng tăng trưởng Q1 sắp tới. Nhóm cổ phiếu ưu tiên nắm giữ: DPM, DCM, HAH, CSV, DGC, GMD, TNG, REE, LDG.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Note	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
VPB	36.8	(0.3)	35	45	Mua mới quanh 37-38. Mục tiêu 45	2/25/2022	-2.5%
TCM	74.4	(0.3)	60	100	Mua mới quanh 65-67. Mục tiêu 100	2/18/2022	11.0%
KBC	53.8	1.5	50	70	Mua mới quanh 54-56. Mục tiêu 70	2/10/2022	-3.9%
HPG	46.4	1.0	40	60	Mua mới quanh 45	2/8/2022	3.1%
FTS	53.8	1.6	50	60	Mua mới quanh 50-53. Mục tiêu 70	2/7/2022	3.5%
TNG	35.9	0.3	24	40	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 40	2/7/2022	23.8%
DPM	72.7	14.7	35	75	Mua mới quanh 40-42. Mục tiêu 65	2/7/2022	73.1%
VCI	57.6	(0.7)	50	75	Mua mới quanh 55-57. Mục tiêu 75	1/18/2022	-0.7%
GVR	34.7	3.3	28	40	Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45	1/20/2022	8.4%
REE	79.0	11.0	60	90	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	21.5%
NLG	60.9	8.4	53	65	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	14.9%
OCB	26.2	1.3	24	35	Mua mới quanh 26. mục tiêu 34	1/13/2022	-2.8%
TCB	49.3	0.6	40	65	Mua mới quanh 50, mục tiêu 65	1/13/2022	-1.5%
CTG	32.2	(0.5)	30	45	Mua mới quanh 33-35, Mục tiêu 45	1/13/2022	-8.0%
STK	56.2	(2.7)	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	6.0%
VIB	44.5	1.1	40	60	Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60	1/4/2022	-5.3%
MBB	31.8	(0.6)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 37	1/4/2022	9.7%
MWG	138.9	2.4	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	2.9%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Bao bì	3.54
Phân bón	2.78
Dệt May	2.53
Bán lẻ	2.02
Hàng cá nhân & Gia...	1.62
Hàng & Dịch vụ...	1.18
Y tế	1.15
Xây dựng	1.01
Ô tô và phụ tùng	0.99
Viễn thông	0.98
Thủy sản	0.96
Công nghệ Thông tin	0.91
Khoáng sản	0.86
Sản xuất và KD Thép	0.86
Nước	0.82
Vật liệu xây dựng	0.63
Bất động sản	0.62
Vận tải - Logistics	0.59
Du lịch và Giải trí	0.56
Thực phẩm và đồ...	0.36
Bất động sản KCN	0.18
Truyền thông	0.15
Điện	(0.09)
Dịch vụ tài chính	(0.15)
Ngân hàng	(0.21)
Cao su	(0.22)
Tài nguyên Cơ bản	(0.28)
Hóa chất	(0.36)
Bảo hiểm	(0.62)
Dầu	(1.55)

NTL - CTCP Phát triển Đô thị Từ Liêm - Năm 2022, NTL đặt mục tiêu tổng doanh thu đạt 700 tỷ đồng, tăng 19% so với thực hiện năm 2021; lợi nhuận sau thuế đạt 240 tỷ đồng, tăng nhẹ so với kết quả năm trước.

CII - CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM - Ngày 23/3, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã có quyết định đưa cổ phiếu CII vào diện cảnh báo kể từ ngày 30/3/2022. Nguyên nhân do, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ năm 2021 là âm hơn 332 tỷ đồng.

DQC - CTCP Bóng đèn Điện Quang - Trình phương án kinh doanh năm 2022 gồm doanh thu thuần hợp nhất 1.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 30 tỷ đồng; lần lượt tăng 36% và 21% so với thực hiện 2021. Cổ tức kế hoạch tỷ lệ 7%.

NT2 - CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Công ty lên kế hoạch kinh doanh năm 2022 với tổng doanh thu 8.128,95 tỷ đồng, tăng 32%; song mục tiêu lợi nhuận sau thuế giảm 12% so với thực hiện năm ngoài về 468,15 tỷ đồng.

LIG - CTCP Licogi 13 - Đã thông qua chủ trương góp vốn thành lập Công ty TNHH hai thành viên Licogi 13 Thuận Phước với số vốn điều lệ 261 tỷ đồng. Trong đó, Licogi 13 góp 117,45 tỷ đồng, tương ứng 45% vốn sở hữu, phương thức góp vốn bằng tiền mặt.

DRH - CTCP DRH Holdings – Đã thông qua việc triển khai phát hành 3 triệu cổ phiếu ESOP, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý II/2022.

TDH - CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức – Đã thông qua việc bầu ông Dương Ngọc Hải – Phó chủ tịch HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT thay ông Lê Minh Sơn kể từ ngày 22/3/2022.

HAP - CTCP Tập đoàn Hapaco – Đã thông qua việc góp thêm phần vốn 554 tỷ đồng vào CTCP Bệnh viện Quốc tế Green. Qua đó, nâng sở hữu tại Công ty trên lên 49,1 triệu cổ phần, tỷ lệ 81,83%.

CTS - CTCP Chứng khoán Vietinbank - Ngày 28/3 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức, ngày đăng ký cuối cùng là 29/3. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:8 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 8 cổ phiếu mới), tương đương CTS sẽ phát hành thêm hơn 8,51 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

BCG - CTCP Bamboo Capital – Đã thông qua việc thoái vốn toàn bộ hơn 502 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ sở hữu 89%/vốn tại Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas. Bên nhận chuyển nhượng là CTCP BCG Land.

Technical Analysis

Devise Your Investment Strategy

Bộ lọc cổ phiếu ngắn hạn

Cổ phiếu đang tăng trưởng

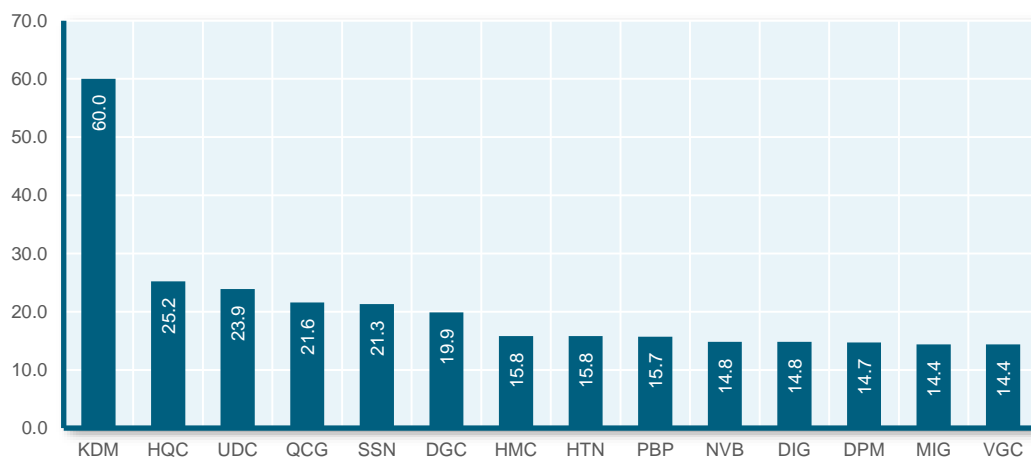
Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Note
DPM	72.7	14.7	35	75	Mục tiêu 75-80. Mua thêm nếu giá lùi về 65
DCM	46.6	10.8	38	55	Mục tiêu 52-55. Mua thêm nếu giá lùi về 40
HAH	100.7	8.9	85	120	Mục tiêu 120. Mua thêm nếu giá lùi về 85-90
CSV	63.0	11.6	55	70	Nắm giữ. Mua thêm nếu giá về 55-58
LDG	22.6	8.7	18	28	Nắm giữ. Mua thêm nếu giá về 19-20
DGW	141.8	6.1	100	150	Mục tiêu 150. Mua thêm nếu về 120
BCG	28.3	5.0	24	33	Mục tiêu 32-35. Mua thêm nếu về 24-25
NKG	50.0	8.1	45	60	Mục tiêu 60. Mua thêm quanh 45-46
TNG	35.9	0.3	30	43	Mục tiêu 40. Mua thêm nếu giá về 30-32
TCM	74.4	(0.3)	60	100	Mục tiêu 100. Mua thêm quanh 65-68

Cổ phiếu đang chạm các vùng hỗ trợ

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Note
GVR	34.7	3.3	30	45	Chờ hỗ trợ quanh 32-33
PLX	56.0	0.4	55	65	Chờ tín hiệu mua quanh 55
TIP	52.8	2.1	48	66	Chờ tín hiệu mua quanh 48-50
VCI	57.6	(0.7)	56	80	Chờ tín hiệu mua dần quanh 55-56
HPG	46.4	1.0	43	60	Chờ tín hiệu mua tích lũy quanh 45
D2D	61.2	(0.7)	58	70	Mua quanh hỗ trợ mạnh 58-59
TCB	49.3	0.6	48	60	Mua quanh hỗ trợ mạnh 48-49



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	32.7	3,338,200	8.4	2.0	-	-	3,900	16,618
BID	HOSE	43.5	1,969,000	16.6	2.5	19,600	6,100	2,623	17,073
CTG	HOSE	32.2	5,555,200	9.6	1.7	49,100	1,027,100	3,338	19,488
EIB	HOSE	36.8	459,800	46.9	2.5	4,600	600	785	14,466
HDB	HOSE	28.0	2,374,000	8.0	1.8	896,900	106,200	3,497	15,455
LPB	HOSE	22.3	5,287,700	8.8	1.6	42,600	-	2,543	13,960
MBB	HOSE	31.8	8,093,300	8.1	1.9	680,400	683,500	3,904	16,538
MSB	HOSE	25.7	3,459,900	7.8	1.8	-	-	3,292	14,427
OCB	HOSE	26.2	1,391,100	7.2	1.6	5,000	-	3,636	15,917
SHB	HOSE	22.0	4,405,000	8.3	1.7	1,500	10,000	2,635	13,323
SSB	HOSE	38.1	1,818,000	18.9	3.0	44,900	-	2,015	12,623
STB	HOSE	33.7	11,344,100	18.1	1.9	1,260,400	585,400	1,856	18,174
TCB	HOSE	49.3	3,175,400	9.6	1.9	916,000	916,000	5,144	26,505
TPB	HOSE	39.9	2,187,700	9.1	2.4	53,100	233,700	4,404	16,429
VCB	HOSE	82.5	1,137,800	14.0	2.8	496,500	777,600	5,907	29,974
VIB	HOSE	44.5	761,900	9.4	2.8	400	12,400	4,727	15,640
VPB	HOSE	36.8	9,600,800	9.1	1.9	820,000	820,000	4,037	19,408
BAB	HNX	22.1	14,600	21.7	1.8	-	-	1,018	12,018
NVB	HNX	35.5	138,700	-	3.4	-	-	3	10,482
VBB	UPCOM	16.7	18,400	14.9	1.4	-	-	1,119	12,017
VAB	UPCOM	14.4	322,100	9.7	1.0	-	-	1,477	14,341
SGB	UPCOM	18.2	76,600	-	1.5	-	-	398	12,042
PGB	UPCOM	31.4	20,100	35.8	2.3	-	-	878	13,940
NAB	UPCOM	19.7	179,900	-	-	1,000	-	3,124	15,630
KLB	UPCOM	39.2	24,800	16.6	3.0	-	-	2,356	12,945
BVB	UPCOM	19.9	1,194,500	28.4	1.6	1,000	-	700	12,637
ABB	UPCOM	16.3	1,038,800	6.0	0.8	5,500	-	2,731	20,530
			69,387,400	14.63	2.02	5,298,500	5,178,600	2,668	16,022



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	BWA	UPCoM	6/4/2022	7/4/2022	12/5/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	CCM	UPCoM	4/4/2022	5/4/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SEA	UPCoM	31/03/2022	1/4/2022	27/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 9,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	HAM	UPCoM	30/03/2022	31/03/2022	21/04/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	TVB	HOSE	30/03/2022	31/03/2022	21/04/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	NAV	HOSE	30/03/2022	31/03/2022	22/04/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VWS	UPCoM	29/03/2022	30/03/2022	8/4/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	TOS	UPCoM	29/03/2022	30/03/2022	8/4/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	TSC	HOSE	28/03/2022	29/03/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 3:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
10	VTC	HNX	25/03/2022	28/03/2022	27/04/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	VDP	HOSE	25/03/2022	28/03/2022	20/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	APF	UPCoM	25/03/2022	28/03/2022	8/4/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	VAF	HOSE	25/03/2022	28/03/2022	15/04/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	HU3	HOSE	25/03/2022	28/03/2022	12/4/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	PGI	HOSE	24/03/2022	25/03/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Thưởng cổ phiếu
16	DP3	HNX	24/03/2022	25/03/2022	8/7/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 6,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	SMN	HNX	24/03/2022	25/03/2022	25/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	LBM	HOSE	24/03/2022	25/03/2022	14/04/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	GMH	HOSE	24/03/2022	25/03/2022	13/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	LHC	HNX	23/03/2022	24/03/2022	20/04/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	VNL	HOSE	23/03/2022	24/03/2022	22/04/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	CMF	UPCoM	23/03/2022	24/03/2022	10/5/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	ADP	UPCoM	23/03/2022	24/03/2022	20/04/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	VGG	UPCoM	22/03/2022	23/03/2022	31/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	EPH	UPCoM	22/03/2022	23/03/2022	12/4/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	DVN	UPCoM	22/03/2022	23/03/2022	25/04/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 570 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	PAC	HOSE	21/03/2022	22/03/2022	7/4/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	COM	HOSE	18/03/2022	21/03/2022	7/4/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931